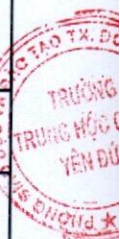


THÔNG BÁO

**Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường trung học cơ sở
và trường trung học phổ thông- Năm học 2021-2022**

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 6	Lớp 7	Lớp 8	Lớp 9
I	Số học sinh chia theo hạnh kiểm	289	74	84	73	58
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	280 96,9%	72 97,3%	83 98,8%	69 94,5%	56 96,6%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	9 3,1%	2 2,7%	1 1,2%	4 5,48%	2 3,45%
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
II	Số học sinh chia theo học lực	289	74	84	73	58
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	65 22,5%	13 17,57%	21 25%	14 19,2%	17 29,3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	152 52,6%	37 50%	49 58,3%	43 58,9%	23 39,7%
3	Trung bình(đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	72 24,9%	24 32,43%	14 16,7%	16 21,9%	18 31%
4	Yếu(chưa đạt) (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
III	Tổng hợp kết quả cuối năm	289	74	84	73	58
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	289/289 100%	74/74 100%	84/84 100%	73/73 100%	58/58 100%
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	65 22,5%	13 17,57%	21 25%	14 19,2%	17 29,3%
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	152 52,6%	37 50%	49 58,3%	43 58,9%	23 39,7%
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
4	Chuyển trường đến/đi (tỷ lệ so với tổng số)	Đến: 0 Đi: 0	Đến: 0 Đi: 0	Đến: 0 Đi: 0	Đến: 0 Đi: 0	Đến: 0 Đi: 0
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học)	0	0	0	0	0



	(tỷ lệ so với tổng số)					
IV	Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi					
1	Cấp huyện				2	7
2	Cấp tỉnh/thành phố					1
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế		0	0	0	0
V	Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp		0	0	0	58
VI	Số học sinh được công nhận tốt nghiệp		0	0	0	58
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	17 29,3%
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	23 39,7%
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)		0	0	0	18 31%
VII	Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng (tỷ lệ so với tổng số)	0	0	0	0	0
VIII	Số học sinh nam/số học sinh nữ	135 nữ	36 nữ	44 nữ	30 nữ	25 nữ
IX	Số học sinh dân tộc thiểu số	2(02 nữ)	1	0	1	0

Yên Đức, ngày 08 tháng 9 năm 2022

HIỆU TRƯỞNG



Lê Thị Kim Oanh